



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-001	Trịnh Thái An	Nữ	01/10/2003	Hà Nội
2	TN.612-002	Hà Lê An	Nữ	03/07/2001	Lạng Sơn
3	TN.612-003	Nguyễn Thuỳ An	Nữ	23/12/2001	Hà Nội
4	TN.612-004	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	22/09/2003	Thái Nguyên
5	TN.612-005	Dương Hồng Anh	Nữ	25/03/2002	Vĩnh Phúc
6	TN.612-006	Ngô Thị Minh Anh	Nữ	13/01/2001	Hà Nội
7	TN.612-007	Vũ Ngọc Anh	Nữ	16/10/2004	Hòa Bình
8	TN.612-008	Dương Quỳnh Anh	Nữ	01/01/2002	Phú Thọ
9	TN.612-009	Đinh Quỳnh Anh	Nữ	28/10/2004	Tuyên Quang
10	TN.612-010	Nguyễn Thị Hải Anh	Nữ	05/06/2002	Bắc Giang
11	TN.612-011	Nguyễn Mai Anh	Nữ	06/12/2002	Bắc Ninh
12	TN.612-012	Vũ Minh Anh	Nữ	24/01/2002	Điện Biên
13	TN.612-013	Lê Trần Tú Anh	Nữ	19/12/2003	Hà Nội
14	TN.612-014	Mai Thị Linh Anh	Nữ	03/02/2004	Tuyên Quang
15	TN.612-015	Bùi Hà Châu Anh	Nữ	03/06/2005	Tuyên Quang
16	TN.612-016	Triệu Hoàng Ánh	Nam	19/11/2002	Thái Nguyên
17	TN.612-017	Chu Thị Ánh	Nữ	30/07/2002	Bắc Ninh
18	TN.612-018	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	13/06/2002	Bắc Ninh
19	TN.612-019	Hầu Thị Bích	Nữ	10/04/2003	Tuyên Quang
20	TN.612-020	Hà Tú Bình	Nữ	02/11/2002	Phú Thọ
21	TN.612-021	Vũ Trọng Cường	Nam	28/09/2000	Quảng Ninh
22	TN.612-022	Lê Văn Cường	Nam	02/11/2002	Thanh Hóa
23	TN.612-023	Cà Văn Cường	Nam	16/04/2004	Sơn La
24	TN.612-024	Vũ Thị Kim Chi	Nữ	24/01/2004	Hà Giang
25	TN.612-025	Ma Thị Chi	Nữ	04/09/2002	Thái Nguyên
26	TN.612-026	Hoàng Quỳnh Chi	Nữ	08/11/2003	Thái nguyên
27	TN.612-027	Nông Xuân Chiến	Nam	15/11/2004	Tuyên Quang
28	TN.612-028	Vũ Hồng Chúc	Nữ	29/10/2004	Bắc Giang
29	TN.612-029	Ma Thị Diên	Nữ	12/02/2004	Tuyên Quang
30	TN.612-030	Vũ Mai Diệp	Nữ	30/12/2002	Lạng Sơn
31	TN.612-031	Hà Hương Dịu	Nữ	10/03/2003	Bắc Kạn
32	TN.612-032	Nguyễn Thuỳ Dung	Nữ	31/12/2001	Thái Nguyên
33	TN.612-033	Vũ Tuấn Dũng	Nam	25/02/2002	Nghệ An
34	TN.612-034	Vũ Khương Duy	Nam	19/02/2000	Hưng yên
35	TN.612-035	Ngô Bình Dương	Nam	06/04/2003	Thái Nguyên
36	TN.612-036	Lê Thành Đạt	Nam	15/11/2002	Thanh Hoá

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-037	Phan Trà Giang	Nữ	27/04/2003	Hung Yên
2	TN.612-038	Đặng Hà Giang	Nữ	28/05/2003	Tuyên Quang
3	TN.612-039	Lâm Thị Hồng Giang	Nữ	03/12/2003	Tuyên Quang
4	TN.612-040	Nguyễn Hương Giang	Nữ	13/12/2004	Tuyên Quang
5	TN.612-041	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	05/12/2004	Tuyên Quang
6	TN.612-042	Hoàng Thanh Giao	Nam	15/11/2000	Thái Nguyên
7	TN.612-043	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	23/07/2002	Phú Thọ
8	TN.612-044	Tạ Minh Hà	Nam	29/01/2002	Hà Nội
9	TN.612-045	Đặng Thị Hà	Nữ	01/09/2004	Tuyên Quang
10	TN.612-046	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	24/08/2002	Cao Bằng
11	TN.612-047	Nguyễn Thị Hải Hà	Nữ	17/09/2004	Vĩnh Phúc
12	TN.612-048	Cao Thị Minh Hải	Nữ	11/09/2001	Ninh Bình
13	TN.612-049	Nguyễn Thị Hải	Nữ	24/06/2002	Phú Thọ
14	TN.612-050	Kim Mỹ Hạnh	Nữ	30/09/1998	Ninh Bình
15	TN.612-051	Hà Thị Ngọc Hạnh	Nữ	20/03/2002	Tuyên Quang
16	TN.612-052	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	30/10/2002	Hoà Bình
17	TN.612-053	Lê Thị Hằng	Nữ	08/02/2002	Bắc Giang
18	TN.612-054	Phạm Thuý Hằng	Nữ	04/12/2003	Tuyên Quang
19	TN.612-055	Bùi Thanh Hằng	Nữ	07/02/2002	Tuyên Quang
20	TN.612-056	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	18/03/2021	Tuyên Quang
21	TN.612-057	Nông Thanh Hậu	Nữ	02/12/2004	Cao Bằng
22	TN.612-058	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	07/12/2003	Thái Nguyên
23	TN.612-059	Nông Thị Thu Hiền	Nữ	27/03/2004	Tuyên Quang
24	TN.612-060	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	17/10/2001	Nam Định
25	TN.612-061	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	18/08/2004	Tuyên Quang
26	TN.612-062	Lương Văn Hiệp	Nam	01/01/2002	Cao Bằng
27	TN.612-063	Dương Thị Hiếu	Nữ	29/02/2004	Thái Nguyên
28	TN.612-064	Tô Minh Hiếu	Nam	17/07/2002	Bắc Ninh
29	TN.612-065	Huỳnh Thanh Hiếu	Nam	10/04/2002	Nghệ an
30	TN.612-066	Quan Quỳnh Hiếu	Nữ	27/10/2004	Tuyên Quang
31	TN.612-067	Đỗ Vũ Thanh Hiếu	Nữ	18/05/2005	Tuyên Quang
32	TN.612-068	Hoàng Thị Hoa	Nữ	16/12/2004	Tuyên Quang
33	TN.612-069	Lò Văn Hòa	Nam	23/11/2004	Sơn La
34	TN.612-070	Nguyễn Thị Phương Hoài	Nữ	20/10/2004	Tuyên Quang
35	TN.612-071	Mê Thị Hoan	Nữ	09/02/2003	Sơn La
36	TN.612-072	Đỗ Huy Hoàng	Nam	08/01/2003	Phú Thọ

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-073	Phạm Huy Hoàng	Nam	11/05/2002	Thái Nguyên
2	TN.612-074	Phạm Mai Huê	Nữ	17/12/2004	Tuyên Quang
3	TN.612-075	Nguyễn Thị Huế	Nữ	11/10/2004	Tuyên Quang
4	TN.612-076	Hoàng Tiến Huy	Nam	02/12/2002	Hà Nam
5	TN.612-077	Đinh Thị Thu Huyền	Nữ	22/11/2002	Hoà Bình
6	TN.612-078	Ma Thị Thu Huyền	Nữ	26/02/2004	Tuyên Quang
7	TN.612-079	Quế Minh Hưng	Nam	08/04/2002	Nghệ An
8	TN.612-080	Đào Thị Diệu Hương	Nữ	20/03/2003	Tuyên Quang
9	TN.612-081	Phạm Thu Hương	Nữ	12/11/2003	Phú Thọ
10	TN.612-082	Trịnh Xuân Hương	Nữ	17/12/2004	Thái Nguyên
11	TN.612-083	Nguyễn Thị Hương	Nữ	04/06/2002	Hải Phòng
12	TN.612-084	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	09/12/2004	Hải Phòng
13	TN.612-085	Hoàng Thị Trâm Hương	Nữ	30/08/2004	Thái Nguyên
14	TN.612-086	Ma Thị Thu Hương	Nữ	04/05/2003	Thái Nguyên
15	TN.612-087	Nông Thị Hường	Nữ	14/01/2004	Tuyên Quang
16	TN.612-088	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	14/10/2004	Thái Nguyên
17	TN.612-089	Phùng Thu Hường	Nữ	08/12/2004	Tuyên Quang
18	TN.612-090	Quan Thị Hường	Nữ	07/05/2004	Tuyên Quang
19	TN.612-091	Lò Thị Kim	Nữ	01/08/2004	Sơn La
20	TN.612-092	Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	13/06/2004	Hà Giang
21	TN.612-093	Phùng Anh Khôi	Nam	01/09/2002	Hải Phòng
22	TN.612-094	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29/08/2004	Tuyên Quang
23	TN.612-095	Hà Mai Lan	Nữ	03/08/2003	Thái Nguyên
24	TN.612-096	Đoàn Thị Hương Lan	Nữ	11/04/2004	Bắc Ninh
25	TN.612-097	Nguyễn Phương Linh	Nữ	21/03/2002	Thái Nguyên
26	TN.612-098	Đào Lê Khánh Linh	Nữ	28/07/2003	Thái Nguyên
27	TN.612-099	Hoàng Diệu Linh	Nữ	10/11/2004	Tuyên Quang
28	TN.612-100	Phạm Thị Thuý Linh	Nữ	19/03/2002	Lào Cai
29	TN.612-101	Nguyễn Cao Linh	Nam	15/09/2002	Thái Nguyên
30	TN.612-102	Hoàng Thị Diệu Linh	Nữ	19/06/2002	Bắc Giang
31	TN.612-103	Phạm Ngọc Linh	Nữ	11/07/2002	Yên Bái
32	TN.612-104	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	24/10/2004	Lào Cai
33	TN.612-105	Nguyễn Phương Linh	Nữ	08/04/2004	Sơn La
34	TN.612-106	Nguyễn Diệp Linh	Nữ	02/06/2003	Tuyên Quang
35	TN.612-107	Ma Khánh Linh	Nữ	30/05/2003	Tuyên Quang
36	TN.612-108	Đông Mai Linh	Nữ	12/09/2003	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 04

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-109	Lý Cẩm Linh	Nữ	24/04/2004	Điện biên
2	TN.612-110	Lê Diệu Linh	Nữ	25/10/2003	Bắc Ninh
3	TN.612-111	Lộc Thị Phương Linh	Nữ	29/02/2004	Tuyên Quang
4	TN.612-112	Ngô Thị Thanh Loan	Nữ	24/10/2004	Nam Định
5	TN.612-113	Nông Thị Mai Loan	Nữ	25/06/2004	Cao Bằng
6	TN.612-114	Ma Thị Loàn	Nữ	30/01/2004	Tuyên Quang
7	TN.612-115	Hà Minh Long	Nam	09/01/2003	Thái Nguyên
8	TN.612-116	Vũ Xuân Lộc	Nam	17/01/2003	Ninh Bình
9	TN.612-117	Nguyễn Thị Lụa	Nữ	30/04/2004	Vĩnh Phúc
10	TN.612-118	Lưu Thị Kim Luyến	Nữ	11/03/2003	Thái Nguyên
11	TN.612-119	Trần Văn Lương	Nam	02/07/2001	Phú Thọ
12	TN.612-120	Hoàng Văn Lương	Nam	30/12/2004	Tuyên Quang
13	TN.612-121	Nguyễn Phương Mai	Nữ	25/10/2003	Phú Thọ
14	TN.612-122	Quân Thị Tuyết Mai	Nữ	11/10/2003	Tuyên Quang
15	TN.612-123	Nguyễn Xuân Mai	Nữ	13/06/2005	Tuyên Quang
16	TN.612-124	Vũ Đình Mạnh	Nam	06/12/2025	Phú Thọ
17	TN.612-125	Triệu Thị Mến	Nữ	08/02/2004	Tuyên Quang
18	TN.612-126	Chu Nguyễn Thiện Minh	Nữ	23/08/2002	Quảng Ninh
19	TN.612-127	Phan Khánh Minh	Nam	26/11/2025	Thái Nguyên
20	TN.612-128	Đặng Thị Trà My	Nữ	16/04/2002	Hà Tĩnh
21	TN.612-129	Hoàng Hà My	Nữ	17/06/2003	Hải Phòng
22	TN.612-130	Vương Thanh Nam	Nam	13/08/2004	Hà Giang
23	TN.612-131	Nông Thị Thảo Nương	Nữ	04/05/2002	Cao Bằng
24	TN.612-132	Bùi Thuý Nga	Nữ	18/03/2007	Thái Nguyên
25	TN.612-133	Vũ Thị Thanh Nga	Nữ	18/12/2001	Thái Nguyên
26	TN.612-134	Ngô Thị Nga	Nữ	10/04/2004	Tuyên Quang
27	TN.612-135	Đặng Thị Nga	Nữ	20/02/2004	Tuyên Quang
28	TN.612-136	Nguyễn Thị Kim Nga	Nữ	12/09/2004	Tuyên Quang
29	TN.612-137	Cà Thị Ngân	Nữ	03/09/2004	Sơn La
30	TN.612-138	Lường Bảo Ngân	Nữ	18/08/2006	Điện Biên
31	TN.612-139	Trần Thị Nghĩa	Nữ	17/02/2003	Bắc Ninh
32	TN.612-140	Lê Hải Ngọc	Nữ	19/03/2001	Thái Nguyên
33	TN.612-141	Hoàng Thị Thanh Ngọc	Nữ	20/10/2004	Tuyên Quang
34	TN.612-142	Phùng Tiểu Ngọc	Nữ	28/02/2002	Tuyên Quang
35	TN.612-143	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	27/08/2005	Tuyên Quang
36	TN.612-144	Ngô Thị Bảo Ngọc	Nữ	31/08/2004	Bắc Giang

Ấn định danh sách có 36 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLLN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 05

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-145	Trần Thị Nguyên	Nữ	23/01/2002	Thái Nguyên
2	TN.612-146	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	02/08/2002	Nam Định
3	TN.612-147	Hoàng Thị Bảo Nhật	Nữ	25/09/2004	Thái Nguyên
4	TN.612-148	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	18/08/2002	Ninh Bình
5	TN.612-149	Lò Thị Nhung	Nữ	21/09/2004	Tuyên Quang
6	TN.612-150	Bùi Thị Nhung	Nữ	24/11/2004	Thanh Hóa
7	TN.612-151	Lê Thị Như	Nữ	04/01/2002	Đắk Lắk
8	TN.612-152	Hoàng Phương Oanh	Nữ	28/11/2003	Sơn La
9	TN.612-153	Nguyễn Lâm Phương	Nữ	25/10/2003	Phú Thọ
10	TN.612-154	Nguyễn Mai Phương	Nữ	07/02/2003	Tỉnh Phú Thọ
11	TN.612-155	Hỷ Thị Mai Phương	Nữ	07/03/2002	Bắc Ninh
12	TN.612-156	Phan Vũ Phương	Nữ	27/07/1999	Tháo Nguyên
13	TN.612-157	Hoàng Thanh Phương	Nữ	21/10/2001	Tuyên Quang
14	TN.612-158	Đỗ Đan Phượng	Nữ	11/06/2003	Lạng Sơn
15	TN.612-159	Trần Thu Phương	Nữ	01/11/2004	Tuyên Quang
16	TN.612-160	Nguyễn Minh Quang	Nam	17/01/2007	Ninh Bình
17	TN.612-161	Nguyễn Trọng Quang	Nam	10/08/2002	Nghệ An
18	TN.612-162	Nguyễn Văn Quân	Nam	06/02/2002	Hải phòng
19	TN.612-163	Trần Lệ Quyên	Nữ	13/09/2004	Tuyên Quang
20	TN.612-164	Lê Thị Quyên	Nữ	21/09/2002	Thanh Hóa
21	TN.612-165	Bùi Đức Quyết	Nam	03/05/1987	Ninh Bình
22	TN.612-166	Lê Thị Diễm Quỳnh	Nữ	14/10/2004	Ninh Bình
23	TN.612-167	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	02/05/2003	Thái Nguyên
24	TN.612-168	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	01/07/2003	Thái Bình
25	TN.612-169	Đặng Như Quỳnh	Nữ	10/06/2004	Tuyên Quang
26	TN.612-170	Lê Thị Minh Tâm	Nữ	01/08/2002	Hà Nam
27	TN.612-171	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	12/11/2002	Tuyên Quang
28	TN.612-172	Nguyễn Cúc Tiên	Nữ	01/01/2002	Thanh Hoá
29	TN.612-173	Hoàng Hồng Tiếp	Nữ	16/11/2004	Tuyên Quang
30	TN.612-174	Hoàng Thị Tình	Nữ	07/01/2005	Tuyên Quang
31	TN.612-175	Hoàng Thị Tóc	Nữ	30/03/2004	Tuyên Quang
32	TN.612-176	Bùi Đình Tuấn	Nam	12/10/1995	Thái Bình
33	TN.612-177	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	03/02/2025	Tuyên quang
34	TN.612-178	Nguyễn Tử Ngọc Tuấn	Nam	28/05/2002	Ninh Bình
35	TN.612-179	Nguyễn Tài Tuệ	Nam	02/09/2004	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 06

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-180	Trần Trí Tuệ	Nam	31/12/2002	Hà Nội
2	TN.612-181	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	25/02/2002	Thái Nguyên
3	TN.612-182	Phạm Thanh Tùng	Nam	30/11/2005	Yên Bái
4	TN.612-183	Tạ Thị Tuyền	Nữ	22/02/2002	Nghệ An
5	TN.612-184	Phạm Thị Tuyết	Nữ	31/08/2002	Bắc Giang
6	TN.612-185	Phạm Phương Thanh	Nữ	02/02/2004	Tuyên Quang
7	TN.612-186	Nguyễn Tiến Thành	Nam	22/05/2002	Thái Nguyên
8	TN.612-187	Lê Tuấn Thành	Nam	29/10/2002	Quảng Ninh
9	TN.612-188	Lý Văn Thành	Nam	07/10/2002	Thái Nguyên
10	TN.612-189	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	17/03/2002	Bắc Ninh
11	TN.612-190	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	24/05/2003	Thái Nguyên
12	TN.612-191	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	13/08/2001	Tuyên Quang
13	TN.612-192	Long Thu Thảo	Nữ	31/10/2002	Thái Nguyên
14	TN.612-193	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	03/11/2002	Yên Bái
15	TN.612-194	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	07/02/2000	Thái Nguyên
16	TN.612-195	Quảng Thu Thảo	Nữ	11/01/2004	Sơn La
17	TN.612-196	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	10/07/2005	Tuyên Quang
18	TN.612-197	Hoàng Phương Thảo	Nữ	17/02/2004	Tuyên Quang
19	TN.612-198	Nguyễn Đức Thắng	Nam	16/09/2002	Lào Cai
20	TN.612-199	Hoàng Văn Thắng	Nam	08/10/2001	Lạng Sơn
21	TN.612-200	Nông Minh Thắng	Nam	18/01/2001	Cao Bằng
22	TN.612-201	Hứa Nông Nhật Thiện	Nam	12/10/2004	Cao Bằng
23	TN.612-202	Nguyễn Thị Thu	Nữ	15/06/2002	Thanh Hoá
24	TN.612-203	Nguyễn Thị Thu	Nữ	31/08/2004	Tuyên Quang
25	TN.612-204	Nguyễn Hoàng Thu Thuý	Nữ	26/08/2002	Thái Nguyên
26	TN.612-205	Nguyễn Thị Thu Thuý	Nữ	23/11/2004	Thái Nguyên
27	TN.612-206	Chu Thị Thuý	Nữ	08/11/2003	Ninh Bình
28	TN.612-207	Hoàng Như Thuý	Nữ	07/09/2001	Lạng Sơn
29	TN.612-208	Lê Thao Thuý	Nữ	05/05/2004	Tuyên Quang
30	TN.612-209	Hà Thị Phương Thuý	Nữ	10/04/1995	Vĩnh Phúc
31	TN.612-210	Nguyễn Thị Diệu Thuý	Nữ	10/10/2001	Hà Tĩnh
32	TN.612-211	Nguyễn Thị Minh Thuý	Nữ	30/10/2004	Thái Nguyên
33	TN.612-212	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	02/11/2003	Vĩnh Phúc
34	TN.612-213	Nguyễn Thị Thanh Thu	Nữ	12/12/2002	Bắc Ninh
35	TN.612-214	Ma Thuyền Thu	Nữ	28/04/2005	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 06/12/2025

PHÒNG THI: 07

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.612-215	Nguyễn Thế Trà	Nam	01/11/2000	Thái Nguyên
2	TN.612-216	Lê Thu Trà	Nữ	24/10/2002	Thái Nguyên
3	TN.612-217	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	17/03/2002	Bắc Ninh
4	TN.612-218	Đào Thùy Trang	Nữ	13/03/2003	Thái Nguyên
5	TN.612-219	Đinh Thị Trang	Nữ	30/01/2004	Phú Thọ
6	TN.612-220	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	26/02/2002	Bắc Ninh
7	TN.612-221	Nguyễn Thu Trang	Nữ	21/05/2002	Phú Thọ
8	TN.612-222	Dương Thùy Trang	Nữ	20/11/2002	Thái Nguyên
9	TN.612-223	Nguyễn Thị Trang	Nữ	03/02/2001	Bắc Ninh
10	TN.612-224	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	14/09/2004	Tuyên quang
11	TN.612-225	Đinh Ngọc Trâm	Nữ	23/11/2004	Sơn La
12	TN.612-226	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	15/07/2002	Hà Tĩnh
13	TN.612-227	Lê Quang Trọng	Nam	11/01/2002	Nghệ An
14	TN.612-228	Trần Thị Trúc	Nữ	22/09/2003	Bắc Kạn
15	TN.612-229	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	03/08/2002	Thái Nguyên
16	TN.612-230	Đồng Thị Thu Uyên	Nữ	27/08/2003	Bắc Ninh
17	TN.612-231	Lý Thị Tổ Uyên	Nữ	19/10/2004	Tuyên Quang
18	TN.612-232	Vương Lệ Uyên	Nữ	27/01/2004	Tuyên Quang
19	TN.612-233	Phạm Thảo Vân	Nữ	29/05/2002	Hà Tây
20	TN.612-234	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	11/10/2003	Hà Nội
21	TN.612-235	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	18/06/2004	Phú Thọ
22	TN.612-236	Phạm Thị Vân	Nữ	23/11/2004	Lai Cai
23	TN.612-237	Vàng Thị Vênh	Nữ	20/10/2001	Lai Châu
24	TN.612-238	Quan Hà Vi	Nữ	06/12/2004	Tuyên Quang
25	TN.612-239	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	21/05/2002	Thái Nguyên
26	TN.612-240	Ma Hoàng Quốc Việt	Nam	13/10/2004	Tuyên Quang
27	TN.612-241	Bùi Thành Vinh	Nam	04/11/2002	Lào Cai
28	TN.612-242	Nguyễn Quang Vinh	Nam	30/01/2001	Phú Thọ
29	TN.612-243	Khổng Thúy Vy	Nữ	01/08/2004	Hà Nam
30	TN.612-244	Lê Hải Yến	Nữ	19/09/2003	Bắc Ninh
31	TN.612-245	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	12/09/2002	Thanh Hoá
32	TN.612-246	Lưu Thị Hải Yến	Nữ	16/07/2004	Sơn La
33	TN.612-247	Nguyễn Lê Bảo Yến	Nữ	21/07/2004	Tuyên Quang
34	TN.612-248	Đinh Hải Yến	Nữ	23/02/2004	Tuyên Quang
35	TN.612-249	Chu Thị Hải Yến	Nữ	24/05/2002	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.